TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 01 - 2026
V/v ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hữu Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Anh Huê

2. Bà Đậu Thị Phú

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thùy Linh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị

Ngày 07 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình D, sinh năm 1974. CCCD số: 0440074011655. Địa chỉ hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: thôn C, xã Đ, tỉnh N. Chỗ ở hiện nay: Số 2251/14 Kadaňská, thành phố *Chomutov, tỉnh Ústí nad Labem, Cộng hòa Séc;* Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh Nguyễn Đình D: Chị Nguyễn Thị Hằng N, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số 40, đường Đ, phường V, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn*: Chị Trần Thị Châu L năm 1988. CCCD số: 044188003385. Địa chỉ: thôn T, xã N, tỉnh Quảng Trị; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/9/2025, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn anh Nguyễn Đình D trình bày:

Anh D và chị L tự nguyện lấy nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An (Nay là xã Đại Đồng, tỉnh Nghệ An) vào ngày 27/05/2013. Sau khi kết hôn, anh D sang Cộng hòa Séc làm việc. Trong thời gian đầu, vợ chồng thường xuyên quan tâm hỏi han, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc và tôi thường xuyên về phép thăm gia đình. Tuy nhiên, về sau do khoảng cách địa lý, thiếu sự chia sẻ, quan tâm và d nảy sinh nhiều mâu thuẫn

trong đời sống hôn nhân. Tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không còn sự gắn bó như trước. Gia đình, người thân hai bên đã nhiều lân khuyên can hòa giải nhưng đều không có kết quả. Các bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh D đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị

cho anh Nguyễn ĐìnhD được ly hôn với chị Trần Thị Châu L.

Về con chung: Anh D và chị L có 01 con chung là: Cháu Nguyễn Đình P, sinh ngày 27/11/2017. Kể từ khi anh D làm việc ở Cộng hòa Séc, cháu Nguyễn Đình P do chị Trần Thị Châu L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay, do tôi đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài nên không có điều kiện trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng các cháu. Vì vậy, anh D đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3-Quảng Trị giao cháu Nguyễn Đình P cho chị Trần Thị Châu L trực tiếp nuôi dưỡng và anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 3.000.000 đồng/tháng (Ba triệu đồng trên một tháng), bắt đầu từ tháng tiếp theo sau khi bản án/quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 03/9/2025, anh Nguyễn Đình D xin được giải quyết vắng mặt tại các buổi làm việc do Toà án triệu tập, vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ và hoà giải, xét xử sơ thẩm do anh đang sinh sống, làm việc tại nước ngoài nên không thể có mặt tại tất cả các buổi làm việc do Toà án triệu tập, anh D xin giữ nguyên ý kiến trình bày theo bản tự khai đã nộp.

Tại bản tự khai ngày 13/11/2025 và tại phiên toà, bị đơn chị Trần Thị Châu L trình bày: Chị L và anh D tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An (nay là UBND xã Đại Đồng, tỉnh Nghệ An) vào ngày 27/5/2013. Sau khi kết hôn anh D sang cộng hoà Séc làm việc còn chị L ở Việt Nam sinh sống cùng con và gia đình ngoại. Những năm đầu, vợ chồng vẫn giữ liên lạc thường xuyên, tình cảm tương đối hoà thuận. Tuy nhiên, về sau do xa cách thiếu chia sẻ, d nảy sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong quan điểm sống và cách ứng xử. Anh D ở nước ngoài lâu năm, không thường xuyên về nước nên cuộc sống hôn nhân thực tế đã ly thân trong thời gian dài. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên nhủ, động viên nhưng không hàn gắn được. Đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục. Vì vậy, chị L đồng ý y hôn với anh Nguyễn Đình D để mỗi người có cuộc sống riêng ổn định hơn.

Về con chung: Anh D và chị L có 01 con chung là: Cháu Nguyễn Đình P, sinh ngày 27/11/2017.

Kể từ khi anh D làm việc ở Cộng hòa Séc, cháu Nguyễn Đình P do chị Trần Thị Châu L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay, cháu đang học tập và sinh

sống ổn định tại địa phương cùng chị L và ông bà ngoại, được đảm bảo đầy đủ điều kiện vật chất và tinh thần. Vì vậy, chị L đề nghị Toà án giao cháu Nguyễn Đình P cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị L đồng ý để anh D cấp dưỡng nuôi con với mức 3.000.000 đồng/tháng (Ba triệu đồng trên một tháng) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

Tại đơn đề nghị sớm đưa vụ án ra giải quyết trước thời hạn: Chị L trình bày nhận thấy vụ án đơn giản, các tình tiết đã rõ ràng, hai bên đương sự hoàn toàn thống nhất về mọi nội dung. Cả chị L và anh D đều tự nguyện đồng ý ly hôn; thống nhất về vấn đề con chung, mức cấp dưỡng; tài sản chung và nợ chung; không có yêu cầu gì khác cần Toà án giải quyết. Hiện tại anh D đang cư trú tại Cộng hoà Séc, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đã uỷ quyền hợp pháp cho người đại diện tại Việt Nam. Vì các tình tiết vụ án đều đã rõ ràng, không có tranh chấp phức tạp, chị L đề nghị Toà án rút ngắn thời gian chuẩn bị xét xử và sớm đưa vụ án ra giải quyết để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, được biệt là quyền lợi của con chung. Việc giải quyết sớm sẽ giúp ổn định đời sống tinh thần cho cháu nhỏ và tạo điều kiện cho các bên sớm ổn định cuộc sống riêng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Đình D khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với chị Trần Thị Châu L, cư trú tại thôn Trung Thượng, xã Nam Ba Đồn, tỉnh Quảng Trị. Vì vậy, xác định đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Đình D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đình D theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chi Trần Thị Châu L có đơn đề nghị đưa vụ án ra xét xử sớm. Xét thấy các tài liệu, chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án đã đầy đủ vì vậy ngày 26/12/2025 Toà án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị đã ra Thông báo số 799/TB-TGXX về việc thay đổi thời gian mở phiên toà xét xử vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm, thay đổi thời gian mở phiên toà vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 07/01/2026.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đình D và chị Trần Thị Châu L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An (Nay là xã Đại Đồng, tỉnh Nghệ An) vào ngày 27/05/2013, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị L hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh D và chị L chung sống hạnh phúc một thời gian, tuy nhiên trong thực tế đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân trong thời gian đã lâu. Anh D và chị L đều trình bày không còn tình cảm với nhau và mong muốn được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống của bản thân. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh D và chị L đã trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cho anh Nguyễn Đình D được ly hôn với chị Trần Thị Châu L là phù hợp với Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình giải quyết vụ án anh D và chị L đều trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình P, sinh ngày 27/11/2017.

Sau khi ly hôn anh D và chị L đều thống nhất giao cháu Nguyễn Đình P cho chị Trần Thị Châu L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và thống nhất anh Nguyễn Đình D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Mặt khác, cháu Phúc cũng trình bày nguyện vọng muốn sống chung với mẹ. Vì vậy xét thấy, nhằm đảm bảo quyền và lợi ích tốt nhất cho con chung, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Đình P cho chị Trần Thị Châu L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, buộc anh Nguyễn Đình D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Trần Thị Châu L mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Đình D và chị Trần Thị Châu L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Đình D phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm, anh Phạm Ngọc Anh phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 1 Điều 228; Điều 469, 474, 475; điểm b, c khoản 5 Điều 477; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho anh Nguyễn Đình D được ly hôn với chị Trần Thị Châu L

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cháu cháu Nguyễn Đình P, sinh ngày 27/11/2017 cho chị Trần Thị Châu L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Đình D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi ccon chung đủ 18 tuổi.

Không ai được cản trở quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét.

4. *Về án phí sơ thẩm:*

Anh Nguyễn Đình D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung công quỹ Nhà nước. Số tiền án phí anh D phải nộp được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà người đại diện theo ủy quyền đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo Biên lai số 0000998 ngày 17/10/2025. Anh Nguyễn Đình D còn phải nộp 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

5. Án xử sơ thẩm công khai, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn; anh Nguyễn Đình D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ, chị Trần Thị Châu L được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 3, tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Đại Đồng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Phạm Hữu Tình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA